

ĐỀ ÁN

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị là nguồn lực cơ bản, quan trọng, quyết định sự ổn định và phát triển của địa phương, cơ quan, đơn vị. Hiệu quả hoạt động của bộ máy trong hệ thống chính trị được quyết định bởi trình độ, phẩm chất, năng lực và kết quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tỉnh ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Đặc biệt, trong điều kiện mới hiện nay, việc ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào quản trị phát triển địa phương thì việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là vấn đề cần được quan tâm hàng đầu, cần thực hiện tốt.

Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trong những năm qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quan tâm, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã có bước trưởng thành và tiến bộ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị và năng lực thực tiễn; dưới tác động của mặt trái kinh tế thị trường và trong điều kiện một tỉnh còn nhiều khó khăn, song đa số cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của quê hương anh hùng, tích cực học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ, kiến thức, tích lũy kinh nghiệm, không ngừng trưởng thành.

Tuy nhiên, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh hiện nay vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Vẫn còn một số trường hợp chưa đủ chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; năng lực thực tiễn, tinh thần phục vụ, cống hiến chưa tốt; việc chuyển tiếp giữa các thế hệ chưa được chuẩn bị chu đáo; cơ cấu chưa hợp lý; thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia giỏi, chuyên sâu, có khả năng dự báo, xử lý, giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn...

Để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và dự nguồn có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và cơ cấu phù hợp; có sự chuyên

tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ; đủ sức lãnh đạo đưa tỉnh nhà vững bước đi lên, sớm đạt trình độ phát triển khá trong Vùng miền Trung¹; đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, việc xây dựng **“Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”** là rất cần thiết.

II. Cơ sở xây dựng Đề án

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

- Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030”; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX xác định mục tiêu tổng quát: *“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng bộ và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân; khơi dậy niềm tự hào, phát huy truyền thống anh hùng, sức mạnh đoàn kết và khát vọng phát triển; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tận dụng thời cơ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước”*.

tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX;

- Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ;

- Quy định số 2105-QĐ/TU ngày 19/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

- Quy định số 1913-QĐ/TU ngày 20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quy định số 244-QĐ/TU ngày 14/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy định số 1913-QĐ/TU ngày 20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Cơ sở thực tiễn

- Báo cáo số 302-BC/TU ngày 20/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Báo cáo số 341-BC/TU ngày 14/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Báo cáo số 378-BC/TU ngày 14/12/2018 của Tỉnh ủy về sơ kết 02 năm rưỡi thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020;

- Báo cáo số 58-BC/TU ngày 13/4/2021 của Tỉnh ủy về sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và tổng kết thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020;

- Từ thực tiễn công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh thời gian qua và yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh phải có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngang tầm để thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Phần thứ hai

TỔNG QUAN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

I. Tổng quan về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh²

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức: 27.755 người, trong đó: Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 6.374 người; trong các cơ quan, đơn vị cấp huyện: 17.768 người; cán bộ, công chức cấp xã: 3.613. Cơ cấu chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức như sau:

1. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1.1. Cán bộ, công chức

1.1.1. Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: **619** người, trong đó:

- Cấp trưởng HĐND, UBND, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh: **03** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 02 người (66,67%), đại học 01 người (33,33%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 03 người (100%).

- Cấp phó HĐND, UBND, Đoàn đại biểu Quốc hội: **06** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 người (16,67%), thạc sĩ 04 người (66,66%), đại học 01 người (16,67%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 06 người (100%).

- Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương: **36** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 02 người (5,56%), thạc sĩ 21 người (58,33%), đại học 13 người (36,11%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 36 người (100%).

- Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương: **85** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 02 người (2,35%), thạc sĩ 40 người (47,06%), đại học 43 người (50,59%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 85 người (100%).

- Cấp trưởng phòng, ban và tương đương các sở, ban, ngành và tương đương: **200** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 04 người (2%), thạc sĩ 87 người (43,50%), đại học 109 người (54,50%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 165 người (82,50%), trung cấp 30 người (15,00%), chưa qua đào tạo 05 người (2,50%).

- Cấp phó phòng, ban và tương đương các sở, ban, ngành và tương đương: **289** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 05 người (1,73%), thạc sĩ 112 người (38,75%), đại học 172 người (59,52%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 152 người (52,60%), trung cấp 133 người (46,02%), sơ cấp 01 (0,35%), chưa qua đào tạo 03 người (1,03%).

1.1.2. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: **796** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 07 người (0,88%), thạc sĩ 233 người (29,27%), đại học 528 người (66,33%), cao đẳng 06 người (0,75%), trung cấp 22 người (2,77%).

² Số liệu tính đến thời điểm 31/8/2021; bao gồm đội ngũ cán bộ làm chuyên trách hoạt động ở cơ sở.

Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân và cao cấp 53 người (6,66%), trung cấp 313 người (39,32%), sơ cấp 236 người (29,65%), chưa qua đào tạo 194 người (24,37%).

1.1.3. Cán bộ, công chức quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.084 người, trong đó:

- Quy hoạch cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương: **70** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 03 người (4,29%), thạc sĩ 35 người (50,00%), đại học 32 người (45,71%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 69 người (98,57%), trung cấp 01 người (1,43%).

- Quy hoạch cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương: **196** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 07 người (3,57%), thạc sĩ 103 người (52,55%), đại học 86 người (43,88%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 180 người (91,84%), trung cấp 16 người (8,16%).

- Quy hoạch cấp trưởng các phòng, ban và tương đương sở, ban, ngành và tương đương: **285** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 03 người (1,05%), thạc sĩ 123 người (43,16%), đại học 159 người (55,79%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 143 người (50,18%), trung cấp 136 người (47,72%), sơ cấp 06 người (2,10%).

- Quy hoạch cấp phó các phòng, ban và tương đương sở, ban, ngành và tương đương: **533** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 02 người (0,38%), thạc sĩ 166 người (31,14%), đại học 364 người (68,29%), cao đẳng 01 người (0,19%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 44 người (8,25%), trung cấp 307 người (57,60%), sơ cấp 139 người (26,08%), chưa qua đào tạo 43 người (8,07%).

1.2. Viên chức

1.2.1. Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 624 người, trong đó:

- Cấp trưởng đơn vị cấp tỉnh **79** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 08 người (10,13%), thạc sĩ 40 người (50,63%), đại học 31 người (39,24%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 53 người (67,09%), trung cấp 26 người (32,91%).

- Cấp phó đơn vị cấp tỉnh **164** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 07 người (4,27%), thạc sĩ 90 người (54,88%), đại học 67 người (40,85%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 53 người (32,32%), trung cấp 111 người (67,68%).

- Cấp trưởng các phòng và tương đương đơn vị cấp tỉnh **197** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 12 người (6,09%), thạc sĩ 74 người (37,56%), đại học 111 người (56,35%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 39 người (19,80%), trung cấp 108 người (54,82%), sơ cấp 50 người (25,38%).

- Cấp phó các phòng và tương đương đơn vị cấp tỉnh **184** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 04 người (2,17%), thạc sĩ 62 người (33,70%), đại học 117 người (63,59%), trung cấp 01 người (0,54%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 18 người (9,78%), trung cấp 115 người (62,50%), sơ cấp 51 người (27,72%).

1.2.2. *Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:* **4.335** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 28 người (0,65%), thạc sĩ 658 người (15,18%), đại học 2.845 người (65,63%), cao đẳng 590 người (13,61%), trung cấp 214 người (4,94%). Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân và cao cấp 38 người (0,88%), trung cấp 387 người (8,93%), sơ cấp 2.029 người (46,81%), chưa qua đào tạo 1.881 người (43,38%).

1.2.3. *Viên chức quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý*

- Quy hoạch giữ chức vụ cấp trưởng đơn vị cấp tỉnh **153** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 07 người (4,57%), thạc sĩ 75 người (49,02%), đại học 71 người (46,41%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 38 người (24,84%), trung cấp 115 người (75,16%).

- Quy hoạch giữ chức vụ cấp phó đơn vị cấp tỉnh **367** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 06 người (1,63%), thạc sĩ 115 người (31,34%), đại học 246 người (67,03%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 21 người (5,72%), trung cấp 189 người (51,50%), sơ cấp 157 người (42,78%).

- Quy hoạch giữ chức vụ cấp trưởng các phòng và tương đương đơn vị cấp tỉnh **388** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 27 người (6,96%), thạc sĩ 160 người (41,24%), đại học 201 người (51,80%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 16 người (4,12%), trung cấp 111 người (28,61%), sơ cấp 120 người (30,93%), chưa qua đào tạo 141 người (36,34%).

- Quy hoạch giữ chức vụ cấp phó các phòng và tương đương đơn vị cấp tỉnh **303** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 05 người (1,65%), thạc sĩ 90 người (29,70%), đại học 197 người (65,02%), cao đẳng 11 người (3,63%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 05 người (1,65%), trung cấp 83 người (27,39%), sơ cấp 138 người (45,54%), chưa qua đào tạo 77 người (25,42%).

2. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị cấp huyện

2.1. Cán bộ, công chức

2.1.1. *Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:* **803** người, trong đó:

- Bí thư cấp ủy cấp huyện và Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh: **14** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 người (7,14%), thạc sĩ 06 người (42,86%), đại học 07 người (50,00%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 14 người (100%).

- Phó bí thư cấp ủy cấp huyện và Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh: **08** người³, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 05 người (62,50%), đại học 03 người (37,50%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 08 người (100%).

- Cấp trưởng HĐND và UBND: **20** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 16 người (80,00%), đại học 04 người (20,00%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 20 người (100%).

³ Không bao gồm các chức danh kiêm giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân.

- Cấp phó HĐND và UBND: **44** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 người (2,27%), thạc sĩ 17 người (38,64%), đại học 26 người (59,09%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 44 người (100%).

- Cấp trưởng các phòng, ban cấp huyện và tương đương: **280** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 người (0,36%), thạc sĩ 88 người (31,43%), đại học 186 người (66,43%), cao đẳng 02 người (0,71%), trung cấp 03 người (1,07%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 256 người (91,43%), trung cấp 24 người (8,57%).

- Cấp phó các phòng, ban cấp huyện và tương đương: **437** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 người (0,23%), thạc sĩ 123 người (28,15%), đại học 305 người (69,79%), cao đẳng 01 người (0,23%), trung cấp 07 người (1,60%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 302 người (69,11%), trung cấp 134 người (30,66%), sơ cấp 01 người (0,23%).

2.1.2. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: **1.053** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 122 người (11,59%), đại học 917 người (87,09%), cao đẳng 07 người (0,66%), trung cấp 07 người (0,66%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 54 người (5,13%), trung cấp 611 người (58,02%), sơ cấp 249 người (23,65%), chưa qua đào tạo 139 người (13,20%).

2.1.3. Công chức quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: **1.253** người, trong đó:

- Quy hoạch cấp trưởng các phòng, ban cấp huyện và tương đương: **489** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 135 người (27,61%), đại học 354 người (72,39%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 294 người (60,13%), trung cấp 183 người (37,42%), sơ cấp 02 người (0,41%), chưa qua đào tạo 10 người (2,04%).

- Quy hoạch cấp phó các phòng, ban cấp huyện và tương đương: **764** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 164 người (21,47%), đại học 588 người (76,96%), cao đẳng 02 người (0,26%), trung cấp 10 người (1,31%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 130 người (17,02%), trung cấp 504 người (65,97%), sơ cấp 106 người (13,87%), chưa qua đào tạo 24 người (3,14%).

2.2. Viên chức

2.2.1. Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: **1.518** người, trong đó:

- Cấp trưởng **505** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 04 người (0,79%), thạc sĩ 41 người (8,12%), đại học 434 người (85,94%), cao đẳng 26 người (5,15%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 45 người (8,91%), trung cấp 451 người (89,31%), sơ cấp 09 người (1,78%).

- Cấp phó **673** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 05 người (0,74%), thạc sĩ 55 người (8,17%), đại học 580 người (86,19%), cao đẳng 32 người (4,75%), trung cấp 01 người (0,15%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 35 người (5,20%), trung cấp 620 người (92,13%), sơ cấp 18 người (2,67%).

- Lãnh đạo cấp khoa, phòng, tổ **340** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 người (0,29%), thạc sĩ 60 người (17,65%), đại học 195 người (57,35%),

cao đẳng 79 người (23,24%), trung cấp 05 người (1,47%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 03 người (0,88%), trung cấp 75 người (22,06%), sơ cấp 182 người (53,53%), chưa qua đào tạo 80 người (23,53%).

2.2.2. *Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:* **14.394** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 118 người (0,82%), đại học 7.368 người (51,19%), cao đẳng 4.578 người (31,80%), trung cấp 2.330 người (16,19%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 05 người (0,03%), trung cấp 1.023 người (7,11%), sơ cấp 1.964 người (13,64%), chưa qua đào tạo 11.402 người (79,22%).

2.2.3. *Viên chức quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý:* **1.693** người, trong đó:

- **Cấp trưởng 651** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 31 người (4,76%), đại học 601 người (92,32%), cao đẳng 17 người (2,61%), trung cấp 02 người (0,31%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 23 người (3,53%), trung cấp 492 người (75,58%), sơ cấp 94 người (14,44%), chưa qua đào tạo 42 người (6,45%).

- **Cấp phó 1.042** người, trong đó: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 32 người (3,07%), đại học 856 người (82,15%), cao đẳng 140 người (13,44%), trung cấp 14 người (1,34%). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 12 người (1,15%), trung cấp 571 người (54,80%), sơ cấp 199 người (19,10%), chưa qua đào tạo 260 người (24,95%).

3. Cán bộ, công chức cấp xã⁴

3.1. *Cán bộ:* **1.739** người, trong đó:

- *Trình độ chuyên môn:* Thạc sĩ 62 người (3,57%), đại học 1.356 người (77,98%), cao đẳng 23 người (1,32%), trung cấp 246 người (14,15%), chưa qua đào tạo 52 người (2,98%)

- *Trình độ lý luận chính trị:* Cao cấp 97 người (5,58%), trung cấp 1.285 người (73,89%), sơ cấp 332 người (19,09%), chưa qua đào tạo 25 người (1,44%).

3.2. *Công chức:* **1.874** người, trong đó:

- *Trình độ chuyên môn:* Thạc sĩ 23 người (1,23%), đại học 1.483 người (79,14%), cao đẳng 60 người (3,20%), trung cấp 308 người (16,43%)

- *Trình độ lý luận chính trị:* Cao cấp 01 người (0,05%), trung cấp 1.295 người (69,10%), sơ cấp 359 người (19,16%), chưa qua đào tạo 219 người (11,69%).

(Có phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo)

II. Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (số liệu tính đến thời điểm 31/8/2021)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015 - 2020, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung

⁴ Bao gồm cán bộ làm chuyên trách hoạt động ở cơ sở.

ương Đảng về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh luôn quan tâm, tập trung chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức như: Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 21/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Tỉnh ủy và các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nghị quyết, quyết định, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng để triển khai thực hiện đối với cán bộ, công chức, viên chức khối cơ quan Nhà nước như: Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (số 309/QĐ-UBND ngày 29/02/2016, 503/QĐ-UBND ngày 27/3/2017, 739/QĐ-UBND ngày 14/5/2018, 253/QĐ-UBND ngày 01/3/2019, 209/QĐ-UBND ngày 17/02/2020, 466/QĐ-UBND ngày 31/3/2021); các quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 và Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ...

2. Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng

Từ năm 2015 - 2021, toàn tỉnh đã tổ chức, phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức; đào tạo lý luận chính trị; đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng các lớp kiến thức quốc phòng và an ninh; quản lý nhà nước, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,... cho 61.736 lượt cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể như sau:

2.1. Công tác đào tạo

2.1.1. Đào tạo lý luận chính trị

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện: 1.668 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 657 người (cao cấp 447, trung cấp 209, sơ cấp 01); không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 1.011 người (cao cấp 92, trung cấp 848, sơ cấp 71).

- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 2.403 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 960 người (cao cấp 99, trung cấp 839, sơ cấp 22); không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 1.443 người (cao cấp 18, trung cấp 637, sơ cấp 788).

- Cán bộ, công chức cấp xã: 1.242 người, trong đó: Cán bộ 549 người (cao cấp 41, trung cấp 474, sơ cấp 34); công chức 693 người (trung cấp 601, sơ cấp 92).

2.1.2. Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 1.188 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 444 người (tiến sĩ 10, thạc sĩ 245, đại học 87, cao đẳng 98, trung cấp 04); không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 744 người (tiến sĩ 01, thạc sĩ 148, đại học 155, cao đẳng 430, trung cấp 10).

- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 2.305 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 946 người (tiến sĩ 51, thạc sĩ 363, đại học 316, cao đẳng 212, trung cấp 04); không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 1.359 người (tiến sĩ 36, thạc sĩ 137, đại học 990, cao đẳng 143, trung cấp 53).

- Cán bộ, công chức cấp xã: 790 người, trong đó: Cán bộ 399 người (thạc sĩ 19, đại học 340, cao đẳng 02, trung cấp 38); công chức 391 người (thạc sĩ 12, đại học 350, cao đẳng 02, trung cấp 27).

2.2. Công tác bồi dưỡng

2.2.1. Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 1.695 người, trong đó: Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 617 người; cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 1.078 người.

- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 934 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 461 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 473 người.

- Cán bộ, công chức cấp xã: 1.197 người, trong đó: Cán bộ 638 người, công chức 559 người.

2.2.2. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 1.014 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 169 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 845 người.

- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 6.004 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.235 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 4.769 người.

- Cán bộ, công chức cấp xã: 1.407 người, trong đó: Cán bộ 731 người, công chức 676 người.

2.2.3. Bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 1.313 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.007 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 306 người.

- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 651 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 492; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 159 người.

- Cán bộ cấp xã: 29 người.

2.2.4. Bồi dưỡng ngoại ngữ

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 197 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 88 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 109 người.

- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 2.077 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 218 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.859 người.

- Cán bộ, công chức cấp xã: 454 người, trong đó: Cán bộ: 231 người; công chức: 223 người.

2.2.5. Bồi dưỡng tin học

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 163 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 80 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 83 người.
- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 1.653 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 235 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.418 người.
- Cán bộ, công chức cấp xã: 498 người, trong đó: Cán bộ: 244 người; công chức: 254 người.

2.2.6. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 2.780 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 785 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.995 người.
- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 4.650 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 2.788 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.862 người.
- Cán bộ, công chức cấp xã: 1.602 người, trong đó: Cán bộ: 626 người; công chức: 976 người.

2.2.7. Bồi dưỡng chuyên ngành, lĩnh vực công tác

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 2.178 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 755 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.423 người.
- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 13.999 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.058 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 12.941 người.
- Cán bộ, công chức cấp xã: 1.826 người, trong đó: Cán bộ: 791 người; công chức: 1.035 người.

2.2.8. Bồi dưỡng ở nước ngoài

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 11 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 11 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 0 người.
- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 07 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 01 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 06 người.

2.2.9. Bồi dưỡng khác

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: 479 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 113 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 366 người.
- Viên chức cấp tỉnh, huyện: 2.185 người, trong đó: Giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 189 người; không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 1.996 người.
- Cán bộ, công chức cấp xã: 334 người, trong đó: Cán bộ: 130 người; công chức: 204 người.

(Có phụ lục số 04 kèm theo)

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

Đến nay, về bằng cấp, chuyên môn, lý luận chính trị và chứng chỉ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo vị trí việc làm; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao⁵.

⁵ Cán bộ, công chức, viên chức là cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ khá

Đa số cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần học tập vươn lên cả về kiến thức và kỹ năng; chủ động đăng ký học tập và chấp hành tốt các quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hệ thống chính trị của tỉnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Do sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ nên kiến thức, năng lực chuyên môn đã được đào tạo, bồi dưỡng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn hiện nay. Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng được tăng cường, số lượng cán bộ, công chức, viên chức qua các lớp, khóa đào tạo, bồi dưỡng khá lớn, nhưng nhìn chung, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là kiến thức về xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước; kỹ năng xử lý và nghiệp vụ công tác hành chính vẫn còn một số hạn chế nhất định.

- Một số cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa bằng cấp chưa thực sự gắn kết với yêu cầu cần thiết của công việc đang đảm nhiệm.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có lúc, có nơi chưa bám sát yêu cầu thực tiễn, chưa thực sự gắn với sử dụng, quy hoạch, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Do đó, một số cán bộ, công chức, viên chức tham gia nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng, nhưng vẫn thiếu kiến thức, kỹ năng làm việc.

- Kiến thức và kỹ năng tự đào tạo còn thấp, thiếu về thực hành; giải pháp học tập suốt đời ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ bán chuyên trách đông đảo làm việc trực tiếp với nhân dân chưa được quan tâm bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng.

3.3. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, thiếu chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng; nhiều cơ quan, đơn vị chưa xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn cho từng chức danh quy hoạch, nâng cao chất lượng công việc.

- Một số quy định về tiêu chuẩn, trình độ đối với các chức danh cán bộ, công chức, viên chức có nội dung chưa đồng bộ, chưa sát yêu cầu công việc.

cao, như: Cấp tỉnh, có 09/09 đồng chí là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch HĐND, UBND, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (100%) có trình độ đại học chuyên môn trở lên. Trong đó, sau đại học 07/09 (77,8%); Cao cấp lý luận chính trị: 09/09 (100%); 121/121 đồng chí là cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (100%) có trình độ đại học chuyên môn trở lên, trong đó, sau đại học 65/121 (53,71%); Cao cấp lý luận chính trị: 121/121 (100%); 208/489 đồng chí là lãnh đạo cấp phòng trực thuộc các cơ quan, đơn vị có trình độ sau đại học (42,54%); có tiến sĩ 10 người (0,66%), thạc sĩ 156 người (10,28%) trong đội ngũ viên chức là lãnh đạo, quản lý. Cấp huyện, có 425/2.321 cán bộ, công chức, viên chức là lãnh đạo, quản lý cấp huyện có trình độ sau đại học (18,38%).

- Một số cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tham mưu, quản lý đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.

- Nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng còn chồng chéo, chưa thiết thực, hiệu quả, chậm đổi mới; chưa tạo động lực tinh thần cho người học.

- Cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng chưa thường xuyên.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có động cơ học tập chưa tích cực, chạy theo bằng cấp; chưa chú ý đúng mức đến yêu cầu học để biết, để làm người, để làm việc, cống hiến cho cộng đồng.

Phần thứ ba

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. Phạm vi, đối tượng

1. Phạm vi

- Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh; bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý; ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số; cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.

- Thời gian thực hiện đào tạo, bồi dưỡng từ năm 2022 đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Đối tượng

- Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh.

II. Quan điểm

1. Phải làm cho mỗi cán bộ, đảng viên có nhận thức, thái độ đúng đắn về vấn đề đào tạo, bồi dưỡng; phải xác định học tập suốt đời; tự học tập là chính, học là để tu thân, học để làm người, để làm việc và cống hiến; chống quan điểm chạy theo bằng cấp, hư danh.

2. Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Ban Thường vụ

huyện ủy, thị ủy, thành ủy và tương đương quản lý và dự nguồn là nhiệm vụ quan trọng, phải được tiến hành thường xuyên, khoa học, chặt chẽ, hiệu quả và xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; học phải đi đôi với hành; chú ý đến nhân tài trong hoạt động công vụ.

3. Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải gắn với quy hoạch, yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức của cơ quan, đơn vị, yêu cầu nhiệm vụ, công vụ.

4. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải kịp thời, đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn của công chức, viên chức; năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm học tập thường xuyên và suốt quá trình công tác; cán bộ, công chức, viên chức được bố trí và quy hoạch chức danh nào phải được bồi dưỡng phù hợp với chức danh đó.

5. Chú trọng đúng mức đến bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở (bao gồm cán bộ bán chuyên trách).

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và dự nguồn có quy mô, cơ cấu, chất lượng cao, có phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại; có khả năng hội nhập quốc tế để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập; đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dự nguồn đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, đảm bảo sự kế thừa, vững vàng giữa các thế hệ, đủ sức lãnh đạo đưa tỉnh nhà vững bước đi lên, sớm đạt trình độ phát triển khá của Vùng miền Trung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2022 - 2025

2.1.1. Đối với cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện

Đảm bảo 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý trước khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại⁶; 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch công chức.

Bảo đảm hàng năm, ít nhất 80% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ⁷.

⁶ Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

⁷ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 đưa ra mục tiêu: Bảo đảm hàng năm ít nhất 80% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ.

Phân đầu đến năm 2025, có 25% cán bộ, công chức (tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo quy định⁸.

2.1.2. Đối với viên chức

Bảo đảm 100% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý đảm bảo tiêu chuẩn chức vụ trước khi bổ nhiệm.

Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành⁹.

Phân đầu đến năm 2025, có 60% viên chức và 50% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý làm việc ở vị trí yêu cầu phải sử dụng ngoại ngữ để giải quyết công việc đạt trình độ ngoại ngữ bậc 04 trở lên theo quy định¹⁰.

2.1.3. Đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố

Phân đầu đến hết năm 2025, 85% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 100% công chức cấp xã trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, phù hợp với vị trí đảm nhiệm¹¹.

Hàng năm, ít nhất 60% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ¹².

Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức người Kinh công tác từ 05 năm trở lên tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác¹³.

- Phân đầu đến năm 2025, có 20% cán bộ, công chức cấp xã và 15% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại các địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 03 trở lên theo quy

⁸ Theo các chỉ tiêu đã được Trung ương đề ra tại Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030”.

⁹ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 đưa ra mục tiêu: Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành.

¹⁰ Theo các chỉ tiêu đã được Trung ương đề ra tại Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030”.

¹¹ Theo Thông tư 13/2019/TT/BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, tổ dân phố: Đến hết năm 2024, 100% công chức cấp xã ở huyện đồng bằng có trình độ đại học; các huyện miền núi, hải đảo do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (*Sở Nội vụ tham mưu dự thảo Quy định về tiêu chuẩn công chức cấp xã các huyện miền núi, hải đảo đến hết năm 2025, 100% có trình độ đại học*).

¹² Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 đưa ra mục tiêu: Hàng năm, ít nhất 60% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ.

¹³ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 đưa ra mục tiêu: Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức người Kinh công tác từ 05 năm trở lên tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác.

định¹⁴.

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bồi dưỡng, cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong thời gian 02 năm¹⁵.

2.2. Giai đoạn 2025 - 2030

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh quy định và cập nhật kiến thức mới.

- Phần đầu đến hết năm 2030, có từ 25% - 35% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế¹⁶.

- Phần đầu đến hết năm 2030, 100% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác¹⁷.

Sau khi tổng kết nhiệm kỳ 2020 - 2025, căn cứ vào tình hình thực tế của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhu cầu sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có định hướng, điều chỉnh Đề án cho phù hợp.

IV. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

1. Về đào tạo, bồi dưỡng trong nước

1.1. Về đào tạo

1.1.1. Đào tạo lý luận chính trị

- Đào tạo cao cấp lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch: Cấp ủy viên cấp tỉnh; cấp trưởng, phó các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước cấp tỉnh trở lên và các chức danh tương đương; ủy viên thường vụ cấp ủy cấp huyện, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên và các chức danh tương đương.

- Đào tạo trung cấp lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch: Lãnh đạo cấp phòng và tương đương các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước cấp tỉnh trở lên và các chức danh tương đương; ủy viên cấp

¹⁴ Theo các chỉ tiêu đã được Trung ương đề ra tại Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030”

¹⁵ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 đưa ra mục tiêu: Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bồi dưỡng, cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong thời gian 02 năm.

¹⁶ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ quy định mục tiêu đến năm 2030: Đối với cán bộ lãnh đạo quản lý ở địa phương từ 15% - 20% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi, từ 25% - 35% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

¹⁷ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ quy định mục tiêu đến năm 2030: Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã 100% có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.

huyện; lãnh đạo cấp phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước cấp huyện trở lên và các chức danh tương đương; ủy viên thường vụ cấp ủy cấp xã; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

- Đào tạo sơ cấp lý luận chính trị cho đối tượng cán bộ, công chức cấp xã; cán bộ bán chuyên trách cấp xã; bí thư các chi bộ thôn, tổ dân phố; người có nguyện vọng.

1.1.2. Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ

- Đối với đào tạo sau đại học: Tập trung đào tạo cho cán bộ quy hoạch lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và ở một số ngành, lĩnh vực có tính chất chuyên sâu như: Giáo dục, đào tạo, y tế, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản lý phát triển đô thị, luật quốc tế... Khuyến khích tự đào tạo chuyên môn sau đại học bằng nguồn kinh phí cá nhân, học bổng ngoài nhà nước.

- Đào tạo trình độ đại học, cao đẳng đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số: Theo các đề án, kế hoạch do Trung ương, tỉnh ban hành hoặc theo yêu cầu chuẩn hóa về trình độ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; viên chức ngành giáo dục nhằm đáp ứng trình độ đạt chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Luật Giáo dục năm 2019; viên chức ngành y tế và một số ngành nghề đặc thù do còn thiếu nhân lực; cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện trong trường hợp cơ quan, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại mà không thể bố trí được công việc phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo trước đó; đào tạo văn bằng hai cho phù hợp với công việc đang thực hiện do hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính Quốc gia tổ chức.

- Đào tạo ngoại ngữ theo Kế hoạch¹⁸ của tỉnh đã ban hành.

1.2. Về bồi dưỡng

1.2.1. Lý luận chính trị

- Bồi dưỡng, cập nhật lý luận chính trị theo tiêu chuẩn quy định cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cho các chức danh công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện và cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã: 100% cán bộ, công chức, viên chức.

- Cập nhật nội dung các văn kiện, nghị quyết, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: 100% cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên trong hệ thống chính trị.

1.2.2. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước

¹⁸ Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030” tại tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức; kỹ năng, phương pháp quản lý chuyên ngành; kiến thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

- Cập nhật kiến thức pháp luật, văn hóa công sở, nâng cao ý thức đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

- Cập nhật và nâng cao kiến thức, năng lực hội nhập quốc tế.

1.2.3. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; cán bộ đương chức và dự nguồn

Bồi dưỡng, cập nhật những vấn đề mới trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức mới về khoa học lãnh đạo, quản lý, kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội cho đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy và tương đương quản lý nhằm nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, năng lực công tác, khả năng nắm bắt, tổng kết, giải quyết những vấn đề mới đặt ra trong thực tiễn; tiếp tục hoàn thiện kỹ năng lãnh đạo, quản lý và năng lực điều hành; qua đó nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

1.2.4. Bồi dưỡng về công tác xây dựng Đảng, Mặt trận, đoàn thể

Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công tác xây dựng Đảng và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho chức danh trưởng, phó các ban đảng cấp tỉnh; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và chánh, phó chánh văn phòng cấp ủy cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; trưởng, phó các cơ quan xây dựng Đảng (*hoặc quy hoạch*) cấp ủy cấp huyện và tương đương... và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức theo các quyết định, đề án, kế hoạch của Trung ương.

1.2.5. Bồi dưỡng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 được bồi dưỡng kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong nhiệm kỳ: Cấp tỉnh: 53 đại biểu; cấp huyện: 416 đại biểu; cấp xã: 3.945 đại biểu.

1.2.6. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng và an ninh

Bồi dưỡng và cập nhật kiến thức về quốc phòng và an ninh theo các chương trình quy định cho cán bộ, công chức, viên chức đạt 100% chỉ tiêu, yêu cầu.

1.2.7. Ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số, tin học

a. Bồi dưỡng Ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số: Bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quy định và phân đầu đạt được các mục tiêu tại Quyết định số

1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030” và tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức người Kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

b. Bồi dưỡng tin học: Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự học theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Tổ chức bồi dưỡng tin học nâng cao cho đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn về ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, lãnh đạo, quản lý và vận hành Chính phủ số.

2. Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

2.1. *Đào tạo:* Chọn, cử cán bộ trẻ có thành tích, kết quả công tác nổi trội, có quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc nhà chuyên môn giỏi thuộc các ngành, lĩnh vực trong công tác giáo dục, đào tạo, y tế, môi trường, hoạch định chính sách, công nghệ thông tin...

2.2. *Bồi dưỡng:* Hằng năm, tinh chọn, cử cán bộ, công chức, viên chức đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn tham gia các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài theo các chương trình, đề án, thông báo của các ban, bộ, ngành Trung ương hoặc theo các chương trình ký kết hợp tác với nước ngoài.

Phần thứ tư

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Nhiệm vụ

1. Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Chương trình mục tiêu quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức, giai đoạn 2019 - 2030 của Thủ tướng Chính phủ; Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, số lượng, cơ cấu hợp lý. Bám sát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được phê duyệt, nhu cầu và tình hình thực tiễn để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

3. Từng bước bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo hướng đạt chuẩn; tập trung xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư. Xây dựng đội ngũ giảng viên, giảng viên kiêm chức đáp ứng yêu cầu giảng dạy trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Đổi mới nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng chú trọng về kỹ năng quản lý, điều hành, kỹ năng công tác gắn với bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý sau đào tạo, bồi dưỡng.

4. Thực hiện nghiêm túc chế độ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hằng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; bảo đảm đến hết năm 2025, 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trước bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người có tài năng trong hoạt động công vụ; cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số; cán bộ cấp xã; nguồn quy hoạch lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và những năm tiếp theo.

II. Giải pháp

1. Hoàn thiện chính sách và các quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức như: Quy trình lựa chọn, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm quản lý đào tạo, bồi dưỡng; chế độ, chính sách đối với cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Nghiên cứu, đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng như: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, bồi dưỡng; đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, giảng viên thỉnh giảng để có kế hoạch đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu.

3. Khảo sát, đánh giá thực trạng chất lượng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh; có kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, thiết thực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

4. Đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chọn lọc, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, gắn lý thuyết với thực tiễn, chú trọng hơn về phương pháp luận, tính định hướng, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, phương pháp công tác và phong cách lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tích cực mở rộng, tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài theo đề án, chương trình của Trung ương, của tỉnh. Tăng cường đội ngũ giảng viên kiêm chức, báo cáo viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện một số Đề án đã có chủ trương: Đề án phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ lĩnh vực ngành y tế (Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX); Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin, trước hết phục vụ cho hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ quản

lý và phát triển nhanh chuyên đổi số đạt mức trung bình khá của cả nước trước năm 2025 đáp ứng yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; Đề án tăng cường giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác cán bộ “trung thành, trung thực, gương mẫu, trong sáng, tinh thông” đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo trong tỉnh tham gia tích cực vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức địa phương nhưng theo đúng năng lực, đảm bảo chất lượng; phấn đấu đến năm 2025 Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn theo quy định, là cơ sở đầu mối đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở cấp tỉnh theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh.

6. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng thông qua thực tiễn công tác, quan tâm luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, luân chuyển trong nội bộ, luân chuyển ngang, dọc, từ dưới lên, từ trên xuống kết hợp với giao nhiệm vụ để cán bộ được đào tạo, rèn luyện, thử thách trong nhiều môi trường khác nhau và trưởng thành, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài về công tác cán bộ của tỉnh, làm cho việc luân chuyển cán bộ dần trở thành việc làm thường xuyên, đi vào nền nếp và có hiệu quả.

7. Kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng tri thức, chuyên môn, kỹ năng mềm, phương pháp công tác với rèn luyện, ý chí, bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cán bộ, công chức, viên chức.

8. Xác định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thường xuyên, tự giác học tập, nghiên cứu, thực hiện phương châm học tập suốt đời; khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức tự học tập, chủ động đăng ký tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh hoặc chương trình ngoài kế hoạch, ngoài giờ hành chính với hình thức xã hội hóa để nâng cao trình độ, năng lực công tác. Gắn kết quả học tập của cán bộ, công chức, viên chức với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ.

9. Từng cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị cụ thể hóa việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo phương châm “Giỏi một việc, biết nhiều việc”, “Lý luận phải gắn với thực tiễn”, “Học đi đôi với hành”, “Cụ thể, tiết kiệm, hiệu quả, thiết thực”.

10. Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường đánh giá, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm. Động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; đồng thời, xem xét, có hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

11. Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

12. Tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có uy tín và chất lượng.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Thường trực Tỉnh ủy

Thường xuyên theo dõi, quan tâm chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; cho ý kiến về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của hệ thống chính trị trong tỉnh; trực tiếp quyết định nội dung, chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và cán bộ quy hoạch diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; chỉ đạo cơ quan tham mưu thẩm định, trình Thường trực Tỉnh ủy quyết định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

II. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan liên quan thẩm định, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng; phê chuẩn bố trí ngân sách để tổ chức thực hiện Đề án; giám sát việc thực hiện theo thẩm quyền.

III. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để phục vụ tốt cho việc hoàn thành các mục tiêu của Đề án đã đề ra; chỉ đạo xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Nhà nước (*trong đó, bao gồm cả bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý các chức danh thuộc Học viện Hành chính Quốc gia và Trường Chính trị tỉnh thực hiện; tin học, ngoại ngữ... đối với cán bộ, công chức, viên chức của cả hệ thống chính trị trong tỉnh*) trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến triển khai, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong việc hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Đề án và tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án theo quy định.

IV. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy cử cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

2. Đối với đào tạo cao cấp lý luận chính trị: Tham mưu quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị; đồng thời, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực III mở các lớp đào tạo cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung tại tỉnh.

3. Đối với các lớp trung cấp lý luận chính trị: Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng hằng năm

cho Trường Chính trị tỉnh bao gồm cả các lớp trong kế hoạch và các lớp đào tạo liên kết ngoài kế hoạch; (nếu thật sự cần thiết) phối hợp với Trường Chính trị tỉnh xét tuyển đảm bảo đúng đối tượng quy định.

4. Đối với các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh làm việc với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Hành chính Quốc gia và các cơ sở giáo dục khác về việc tổ chức mở lớp, thống nhất nội dung, chương trình, văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

5. Đối với đào tạo sau đại học: Căn cứ thông báo tuyển sinh của các cơ sở giáo dục, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định cử cán bộ đi đào tạo đúng đối tượng, phù hợp với lĩnh vực công tác.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của tỉnh; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

7. Phối hợp với Sở Nội vụ rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và quyết định cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp, quy định.

8. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án.

V. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh và các cơ quan liên quan đề xuất chương trình đào tạo, bồi dưỡng; tham gia xây dựng kế hoạch đề tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

VI. Văn phòng Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Đảng trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

VII. Trường Chính trị tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan trong việc chiêu sinh, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các lớp theo phân cấp quản lý.

2. Xây dựng kế hoạch và mở các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo cấp phòng, dự nguồn cấp phòng thuộc các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và cán bộ, công chức cấp xã; các lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; bồi dưỡng theo chức danh, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới; chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và cập nhật kiến thức mới theo quy định của Đảng, Nhà nước...

VIII. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm ở cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương mình; báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thực hiện đạt mục tiêu của Đề án đã đề ra.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện Đề án, cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền theo phân cấp quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo các kế hoạch, chương trình của Đề án này.

3. Sắp xếp, bố trí thời gian và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; bố trí công tác phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên lãnh đạo, quản lý sau khi được đào tạo, bồi dưỡng.

4. Ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy lập kế hoạch và giao nhiệm vụ hằng năm cho Trung tâm Chính trị cấp huyện thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ bán chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố, nhất là đối với chức danh bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố. Ngoài ra, ban thường vụ huyện ủy các huyện miền núi còn phải chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc rà soát đối tượng, phối hợp với các cơ sở đào tạo có năng lực, đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch, tổ chức mở các lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách là người Kinh công tác trên địa bàn huyện.

Quá trình thực hiện Đề án nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, địa phương, đơn vị báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; đảm bảo việc thực hiện Đề án đạt hiệu quả tốt nhất; góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ Địa phương II, BTCTW (báo cáo),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Trường Chính trị tỉnh, Báo Quảng Ngãi,
- Ban Bảo vệ, CSSK cán bộ tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- C, PCVP Tỉnh ủy, P. Tổng hợp, HC-LT,
- Phòng CS và ĐTCB, BTCTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Bùi Thị Quỳnh Vân